

Bản án số: 220/2023/DS -PT

Ngày: 21/8/2023

V/v: “*Tranh chấp thừa kế tài sản là nhà đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Vũ Thanh Liêm

Các Thẩm phán:

Ông Trương Minh Tuấn

Ông Võ Ngọc Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Trường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản là nhà đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2632/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Phạm Tuấn K, sinh năm 1946, vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Phạm Nữ Châu L .

Cùng địa chỉ: tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Như Nguyệt, luật sư, Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh K, có mặt.

- Bị đơn: bà Hồ Thị M, sinh năm 1963; Địa chỉ: thôn L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: bà Đỗ Thị Ngọc M1; Địa chỉ: D N, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1946; Địa chỉ: thôn L, Xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà T: ông Nguyễn Văn Q; Địa chỉ: thôn L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

2. Bà Phạm Thị Thùy T1; Địa chỉ: thôn L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

3. Bà Phạm Thị Thùy H; Địa chỉ: thôn L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

4. Ông Phạm Trương Quang V; Địa chỉ: A P, Thôn L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

5. Bà Phạm Thị Mai T2, ông Nguyễn Minh Q1; Địa chỉ: A P, thôn L, xã V, tp ., tỉnh Khánh Hòa, đều vắng mặt.

6. Bà Phạm Thị A; Địa chỉ: 27024A-AVE, ALDERYROVE, BC CANADA (V4W3V8), vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị A: Bà Lý Anh Tô N; địa chỉ: A M, phường V, Tp ., tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

7. Bà Phạm Thị Mai T3; Địa chỉ: K, C H, N (Na Uy), vắng mặt.

8. Ông Phạm Trương Q2; Địa chỉ: S, C T, N (Na Uy), vắng mặt.

9. Ủy ban nhân dân thành phố N; Địa chỉ: D L, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: nguyên đơn ông Phạm Tuấn K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thùy H, bà Phạm Thị Thùy T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Nữ Châu L trình bày:

Ông Phạm H1 và bà Phan Thị T4 chung sống với nhau vào khoảng năm 1956, 1957 và có 02 người con chung là Phạm Thị Thùy H và Phạm Thị Thùy T1. Ông H1 có 1 người con riêng là Phạm Tuấn K, bà T4 có 03 người con riêng là Phạm Thị T, Phạm Thị A và Phạm Đ. Tuy nhiên, sau khi sống chung thì ông H1, bà T4 có đi làm giấy khai sinh cho các con và đều đăng ký trên giấy khai sinh là cha mẹ của các ông bà Phạm Tuấn K, Phạm Thị T, Phạm Thị A và Phạm Đ.

Sinh thời, ông H1 và bà T4 có tạo lập được khối tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại thửa đất số 295, tờ bản đồ số 30, có diện tích 190,8m² thuộc thôn L, xã V, thành phố N (nay là số A đường P). Bà T4 chết năm 1990, ông Phạm H1 chết năm 1995 đều không để lại di chúc, năm 1998 ông Đ chết. Năm 2000,

các chị em gái của nguyên đơn là bà A, bà T, bà T1, bà H có ủy quyền để bà M1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 27/8/2001, Ủy ban nhân dân thành phố N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Hồ Thị M, chồng (chết). Năm 2014, bà M được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 706607 ngày 03/11/2014 cho hộ bà Hồ Thị M, chồng (chết). Trong quá trình ở tại nhà đất tranh chấp, bà M có sửa chữa lát lại nền nhà, sơn tường và làm la phong ở trước hiên nhà từ đường, xây dựng mới phần sau và phần quán hải sản.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là nhà và đất thuộc thửa 295 nêu trên, chia theo pháp luật và theo diện tích thực tế đo vẽ của Tòa là 189,4m². Nguyên đơn yêu cầu được chia hiện vật và giao cho ông K, bà T1 và bà H nhận chung một khối tài sản có mặt tiền đường Phạm Văn Đ1. Trong trường hợp không chia dọc mặt tiền Phạm Văn Đ1 được, yêu cầu chia theo đường hẻm nhưng đề nghị Tòa xem xét phần giá đất cho phù hợp giữa phần đất mặt tiền và phần đất phía sau. Đối với giá đất mà Hội đồng định giá đã định, nguyên đơn không có yêu cầu hay khiếu nại gì. Đối với phần công trình bị đơn đã xây dựng mới và có cải tạo sửa chữa nguyên đơn đồng ý thanh toán lại. Đối với ý kiến của bị đơn yêu cầu tính công sức giữ gìn bảo quản tôn tạo tài sản là 1/3 giá trị di sản thừa kế, nguyên đơn không đồng ý vì bị đơn ở trên phần đất này và sử dụng nhà đất để kinh doanh.

Theo bà Đỗ Thị Ngọc M1, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hồ Thị M trình bày:

Về họ tên cha mẹ, thời gian chết và các con của ông H1, bà T4, bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn. Bà xác nhận nhà và đất đang tranh chấp thuộc thửa đất 295, tờ bản đồ số 30, có diện tích 190,8m² tọa lạc tại thôn L, xã V, thành phố N, nay là 146 đường Phạm Văn Đồng là của ông H1 và bà T4 để lại. Ngày 27/8/2001, hộ bà Hồ Thị M, chồng (chết) được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01896 QSDĐ/VL-NT. Năm 2014, bà M được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02373/22384 ngày 03/11/2014 cho hộ bà Hồ Thị M, chồng (chết). Ông K và các chị em gái bà T, T1, A và H có gia đình ở riêng từ trước khi bà T4 chết năm 1990. Chỉ có vợ chồng bà M cùng các con ở trên đó từ trước đến nay, bảo quản, gìn giữ. Bà Hồ Thị M và ông Phạm Đ có 04 người con gồm Phạm Trương Q2, Phạm Thị Mai T3, hiện đang sinh sống tại Na Uy, Phạm Trương Quang V và Phạm Thị Mai T2. Năm 1998, ông Đ chết không để lại di chúc. Trong quá trình ở, do nhà từ đường xuống cấp và Nhà nước mở đường nên bà có đổ đất nâng nền, lát lại gạch men nhà, mái che và đóng la phong hiên nhà, đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm tăng giá trị đất. Bà có xây dựng thêm phần nhà sau có diện tích 47,1m². Vợ chồng con gái bà là T2 – Q1 có xây dựng quán và phần mái che phía trước để kinh doanh ăn uống.

Ý kiến của bị đơn là đồng ý chia di sản thừa kế theo pháp luật và yêu cầu được nhận toàn bộ hiện vật và thanh toán cho các đồng thừa kế khác theo giá của Hội đồng định giá. Trong trường hợp Tòa án chia thừa kế bằng hiện vật, bị

đơn xin được nhận phần đất giáp đường Phạm Văn Đ1 và yêu cầu tính công sức đóng góp về giữ gìn, bảo quản tôn tạo tài sản là 1/3 giá trị di sản thừa kế, còn 2/3 giá trị di sản thừa kế thì chia đều cho 6 đồng thừa kế theo pháp luật. Đồng thời yêu cầu phải thanh toán lại cho bị đơn phần công trình bà xây trên đất. Đối với kỹ phần của ông Phạm Đ (đã chết) được hưởng, bị đơn không yêu cầu chia. Hiện nay, các anh chị em ông Đ đều đã có nhà riêng, trong khi gia đình bà chỉ có chỗ ở duy nhất là nhà và đất đang tranh chấp.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị A, bà Lý Anh Tố N trình bày:

Bà A xác nhận nhà và đất đang tranh chấp thuộc thửa đất 295 là của ông H1 và bà T4 để lại. Ông H1 và bà T4 chết không để lại di chúc. Về hàng thừa kế bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn. Bà A không có ý kiến gì với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa xét xử theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Văn Q, đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị T trình bày:

Bà T xác nhận nhà và đất đang tranh chấp thuộc thửa đất 295, tờ bản đồ số 30, nay là 146 đường P, thôn L, xã V là của ông H1 và bà T4 để lại. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Phạm Thị T có ý kiến đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn và yêu cầu được nhận kỹ phần thừa kế của cha mẹ bà để lại theo quy định pháp luật.

Bà Phạm Thị Thùy T1, bà Phạm Thị Thùy H trình bày:

Bà thống nhất ý kiến với nguyên đơn, yêu cầu được nhận hiện vật chung một khối tài sản với ông K và không đồng ý thanh toán công sức 1/3 giá trị di sản như bị đơn yêu cầu.

Bà Phạm Thị Mai T2 trình bày:

Bà xác nhận nhà và đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông bà nội Phạm H1 và Phan Thị T4 để lại. Khoảng năm 2015, 2016, bà cùng chồng là Nguyễn Minh Q1 có xây dựng quán để kinh doanh ăn uống hải sản (quán Làng C). Phần quán này nằm trên phần đất tạm sử dụng của Nhà nước là 49,4m² và một phần diện tích đất thừa kế. Nay bà đồng ý chia thừa kế di sản của ông H1 và bà T4 để lại theo pháp luật, có tính công sức đóng góp của gia đình bà là 1/3 giá trị di sản. Đề nghị Tòa giao hiện vật cho mẹ bà và mẹ bà thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác. Đối với phần diện tích quán + mái che quán, vợ chồng bà xây dựng, nếu Tòa giao nhà đất cho mẹ bà thì bà không yêu cầu mẹ bà Hồ Thị M thanh toán lại giá trị công trình. Nếu Tòa giao hiện vật cho bên nguyên đơn nhận, bà yêu cầu thanh toán lại toàn bộ giá trị các công trình vợ chồng bà đã xây dựng. Bà không yêu cầu chia thừa kế kỹ phần của cha bà ông Phạm Đường .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Q1 trình bày:
Ông thống nhất theo lời khai của bà Phạm Thị Mai T2 không bổ sung gì thêm.

Ông Phạm Trương Quang V trình bày:

Ông xác nhận nhà và đất đang tranh chấp là của ông H1 và bà T4 để lại. Ông thống nhất với ý kiến của bị đơn đồng ý chia thừa kế theo quy định pháp

luật giao hiện vật cho mẹ ông. Đối với phần của ông được nhận từ kỷ phần của cha ông là Phạm Đ, ông giao cho mẹ bà Hồ Thị M không yêu cầu bà M thanh toán lại giá trị. Ông xác định số tiền xây dựng nhà sau và sửa chữa cải tạo nhà từ đường là của mẹ ông bỏ ra.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố N:

Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01896QSD Đ/VL-NT ngày 27/8/2001 và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02373/22384 ngày 03/11/2014 cho hộ bà Hồ Thị M, chồng chết là thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Do đó, việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là không có cơ sở.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Các đương sự thống nhất nhà và đất tranh chấp có diện tích 189,4m² theo thực tế đo vẽ là di sản thừa kế và thống nhất về người thừa kế nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 660 Bộ luật dân sự chia hiện vật và giao cho ông K, bà T1, bà H nhận chung một khối tài sản có mặt tiền giáp đường Phạm Văn Đ1 để bà H và bà T1 có thể kinh doanh buôn bán vì hiện hoàn cảnh hai bà khó khăn. Trường hợp chia ngang theo hẻm bê tông thì yêu cầu Tòa xem xét đến giá đất của vị trí đất được chia giữa phần mặt tiền Phạm Văn Đ1 và phần hẻm cho phù hợp, thực tế nguyên đơn thấy giá đất của Hội đồng định giá là có thấp hơn giá thị trường nhưng nguyên đơn không có ý kiến hay khiếu nại về giá đất vì nguyên đơn yêu cầu được nhận hiện vật. Về yêu cầu tính công sức đóng góp 1/3 giá trị di sản thừa kế của bị đơn, nguyên đơn không đồng ý bởi lẽ ông H1, bà T4 chết năm 1995, bị đơn ở trên đất có sử dụng mặt đường để kinh doanh buôn bán hưởng lợi. Hơn nữa, việc mở đường Phạm Văn Đ1 là chủ trương cải tạo cơ sở vật chất của Cơ quan chính quyền, người dân được hưởng lợi ích đi kèm chứ không phải đây là công sức của bị đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 611, Điều 612, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Tuấn K về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản là nhà đất*”.

2. Xác định di sản thừa kế của ông Phạm H1 và bà Phan Thị T4 là nhà đất tọa lạc thửa đất số 295 (nay là số A P) thôn L, xã V, thành phố N có diện tích đất 189,4m².

3. Xác định các ông, bà Phạm Tuấn K, Phạm Thị A, Phạm Thị T, Phạm Thị Thùy H, Phạm Thị Thùy T1 và ông Phạm Đ (chết) là người thừa kế theo pháp luật của ông Phạm H1 và bà Phan Thị T4. Các ông, bà Hồ Thị M, Phạm Trương Q2, Phạm Thị Mai T2, Phạm Trương Quang V và Phạm Thị Mai T3 là người thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Đường .

4. Chia theo kỹ phần: Ông Phạm Tuấn K, bà Phạm Thị A, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị Thùy T1, bà Phạm Thị Thùy H, ông Phạm Đ (chết) mỗi người được hưởng 01 kỹ phần của ông Phạm H1 và bà Phan Thị T4 có giá trị 247.379.500 đồng.

Bà Hồ Thị M được hưởng 01 kỹ phần công sức giữ gìn bảo quản và tôn tạo di sản có giá trị 247.379.500 đồng. Ông Phạm Đ đã chết nên vợ ông là bà Hồ Thị M được hưởng kỹ phần của ông Đ và phần ông V giao cho tổng cộng là 98.951.000 đồng. Các ông, bà Phạm Thị Mai T2, Phạm Trương Q2 và Phạm Thị Mai T3 được hưởng 01 kỹ phần là 49.476.000 đồng.

5. Chia hiện vật:

- Ông Phạm Tuấn K, Phạm Thị Thùy H, Phạm Thị Thùy T1 được quyền sử dụng 107.0m² đất, trong đó có 62,5m² đất ở tại nông thôn, 42,3m² đất trồng cây lâu năm và 2,2m² đất tạm sử dụng (được ký hiệu phần A, B trên trích đo địa chính thửa đất) và sở hữu phần nhà sau có diện tích xây dựng 47,1m² có cấu trúc nhà cấp 4, tường gạch, mái lợp tôn, nền lát gạch men + phần nhà từ đường có diện tích xây dựng 52,8m² có cấu trúc nhà cấp 4 tường gạch, mái lợp ngói, nền gạch men + phần mái che nhà từ đường có diện tích 5,9m² có cấu trúc mái lợp tôn, đà gỗ, trụ xây gạch (được ký hiệu là phần g1, g2 và mc1 trên bản vẽ hiện trạng nhà).

- Bà Hồ Thị M được quyền sử dụng phần đất có 82,4m², trong đó có 62,5m² đất ở tại nông thôn, 17,7m² đất trồng cây lâu năm và 2,2m² đất tạm sử dụng (được ký hiệu phần C trên trích đo địa chính thửa đất) và sở hữu phần mái che nhà từ đường có diện tích 27,1m² có cấu trúc mái lợp tôn, đà gỗ, trụ xây gạch + phần quán có diện tích 52,4m² có cấu trúc mái lợp tôn, kèo sắt, cửa sắt, nền gạch men, cửa cuốn sắt (được ký hiệu là phần mc1 và mc2 trên trích đo địa chính thửa đất).

6. Buộc bà Phạm Thị Mai T2 và ông Nguyễn Minh Q1 phải tháo dỡ 01 trụ bê tông cốt thép có đường kính 30x30 cm nằm trên phần đất được ký hiệu B, 03 trụ bê tông cốt thép có đường kính 30cmx30cm nằm trên phần đất được ký hiệu C (trên trích đo địa chính thửa đất).

7. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BS 706607, số vào sổ CH 02373/22384 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp ngày 03/11/2014 đứng tên hộ bà Hồ Thị M, chồng (chết).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân chi phí xem xét tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/8/2022, nguyên đơn ông Phạm Tuấn K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thùy H, bà Phạm Thị Thùy T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Phạm Tuấn K do bà Phạm Nữ Châu L đại diện theo ủy quyền tại đơn xin xét xử vắng mặt không rút đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thùy T1, bà Phạm Thị Thùy H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà Phạm Thị Thùy T1, bà Phạm Thị Thùy H cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng, việc chia hiện vật của bản án sơ thẩm là chưa phù hợp nên yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại phân phân chia di sản về hiện vật cho phù hợp. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho phía nguyên đơn cho rằng nếu không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì xem xét lại giá đất được chia cho các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Tuấn K và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thùy T1, bà Phạm Thị Thùy H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về phần thủ tục tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của phía bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Đây là phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ 2, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự nói trên. Xét thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

2. Về phần nội dung: Về phần xác định di sản thừa kế, những người được hưởng thừa kế, các đương sự trong vụ án không có yêu cầu xem xét nên Tòa án cấp phúc thẩm không đề cập đến.

Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Tuấn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thùy T1, bà Phạm Thị Thùy H thì thấy: Bản án sơ thẩm đã đánh giá, phân tích việc phân chia di sản thừa kế về phần hiện vật, trong đó có xem xét đến việc không để phá vỡ cấu trúc nhà từ đường, nhà sau, đồng thời xem xét bà Hồ Thị M và gia đình là người ở, quản lý tài sản thừa kế, có nguyện vọng nhận hiện vật mặt tiền đường Phạm Văn Đồng nên chia phần đất 82,4m² giáp mặt tiền đường Phạm Văn Đồng cho bà M, phần đất còn

lại 107m² chia cho ông Phạm Tuấn K, bà Phạm Thị Thùy H, bà Phạm Thị Thùy T1 là hoàn toàn hợp tình, hợp lý.

Về giá đất đã được định giá các đương sự không có khiếu nại gì. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Tuấn K; kháng cáo của người có quyền lợi phải nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thùy T1, bà Phạm Thị Thùy H cũng như quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Tuấn K, bà Phạm Thị Thùy T1, bà Phạm Thị Thùy H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng xét, ông K, bà T1, bà H đều là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông K, bà T1, bà H.

4. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Tuấn K và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thùy H và bà Phạm Thị Thùy T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 26, 34, 37, 39, 147, 157, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 611, 612, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Tuấn K về việc “tranh chấp thừa kế tài sản là nhà đất”.

- Chia hiện vật:

+ Ông Phạm Tuấn K, bà Phạm Thị Thùy H, bà Phạm Thị Thùy T1 được quyền sử dụng 107,0m² đất, trong đó có 62,5m² đất ở tại nông thôn, 42,3m² đất trồng cây lâu năm và 2,2m² đất tạm sử dụng (được ký hiệu phần A, B trên trích đo địa chính thửa đất) và sở hữu phần nhà sau có diện tích xây dựng 47,1m² có cấu trúc nhà cấp 4, tường gạch, mái lợp tôn, nền lát gạch men + phần nhà từ đường có diện tích xây dựng 52,8m² có cấu trúc nhà cấp 4, tường gạch, mái lợp ngói, nền gạch men + phần mái che nhà từ đường có diện tích 5,9m² có cấu trúc mái lợp tôn, đà gỗ, trụ xây gạch (được ký hiệu là phần g1, g2 và mc1 trên bản vẽ hiện trạng nhà).

+ Bà Hồ Thị M được quyền sử dụng phần đất có 82,4m², trong đó có 62,5m² đất ở tại nông thôn, 17,7m² đất trồng cây lâu năm và 2,2m² đất tạm sử dụng (được ký hiệu phần C trên trích đo địa chính thửa đất) và sở hữu phần mái che nhà từ đường có diện tích 27,1m² có cấu trúc mái lợp tôn, đà gỗ, trụ xây

gạch + phần quán có diện tích 52,4m² có cấu trúc mái lợp tôn, kèo sắt, cửa sắt, nền gạch men, cửa cuốn sắt (được ký hiệu là phần mc1 và mc2 trên trích đo địa chính thửa đất).

2. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phạm Tuấn K, bà Phạm Thị Thùy T1, bà Phạm Thị Thùy H.

3. Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm